TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 226/2022/DS-PT
Ngày: 29/7/2022
V/v : "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

-Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc " Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6355/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Ma Văn Q; sinh năm 1979. Vắng mặt

1.2. Chị Nông Thị C; sinh năm 1980. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Nông Thị C: Ông Lương Thành Đ và bà Nguyễn Thanh H, Luật sư Công ty Luật TNHH vì chân lý Themis, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C: Bà Phạm Thị Q1; sinh năm 1989; địa chỉ: Xã N H, huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Anh Ma Văn L; sinh năm 1981. Có mặt

2.2. Chị Nguyễn Thị K; sinh năm 1980. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị K: Anh Ma Văn L; sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn Ma Văn L: Ông Nguyễn Văn L1 – Luật sư – Công ty luật Ngân Hà, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

2.3. Ông Ma Xuân T; sinh năm 1953. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ma Xuân T: Ông Nguyễn Văn L1 – Luật sư – Công ty luật Ngân Hà, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện CL: Ông Hoàng Minh D - Phó Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện CL, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền số 128/UQ –UBND ngày 15/12/2020). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Ma Thị H1; sinh năm 1953. Vắng mặt

3.3. Anh Ma Văn Đ1; sinh năm 1991. Có mặt

3.4. Chị Vi Thị N; sinh năm 1997. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ma Thị H1, anh Ma Văn Đ1, chị Vi Thị N: Ông Ma Xuân T; cùng địa chỉ: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

3.5. Chị Ma Thị Thu T1;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ma Thị Thu T1: Anh Ma Văn L, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

3.6. Ông Ma Văn K; sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ma Văn K: Bà Phạm Thị Q1; sinh năm 1989; địa chỉ: Xã N H, huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

3.7. Chị Ma Thị N; địa chỉ: Thôn E B, xã E T, huyện K N, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

3.8. Anh Ma Văn V; hộ khẩu thường trú: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn E B, xã E T, huyện K N, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ma Thị N và anh Ma Văn V: Anh Lý Văn Tuyền; sinh năm 1972. Có mặt

3.9. Chị Ma Thị C1; địa chỉ: Thôn Bô, xã Hữu Lân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

3.10. Chị Ma Thị C2; địa chỉ: Thôn Suối M A, xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

3.11. Chị Ma Thị H1; địa chỉ: Thôn T N, xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

3.12. Chị Ma Thị B; địa chỉ: Thôn C H, xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

3.13. Chị Ma Thị L2. Có mặt

3.14. Anh Ma Văn X. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của anh Ma Văn X: Bà Phạm Thị Q1; sinh năm 1989; địa chỉ: Xã N H, huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

3.15. Chị Ma Thị Hoàng A. Có mặt

3.16. Chị Ma Thị B1; sinh năm 2002. Có mặt

3.17. Chị Ma Thị Kim T. Vắng mặt

3.18. Chị Ma Thị M. Vắng mặt

3.19. Chị Ma Thị P. Vắng mặt

3.20. Chị Ma Thị T3. Vắng mặt

3.21. Chị Ma Thị N. Vắng mặt

3.22. Anh Ma Văn X. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ma Văn X, Ma Thị B1, Ma Thị Kim T: bà Nông Thị C, bà Phạm Thị Q1 (Giấy ủy quyền ngày 28/01/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-10-2020, cùng những lời trình bày tiếp theo nguyên đơn ông Ma Văn Q, chị Nông Thị C, khởi kiện anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K, yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 21.707,0m^2 đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K lập năm 2008, tọa tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là thôn Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn; đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với với đất số bìa sổ BI 054982, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00520 do Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND huyện CL) cấp cho hộ anh Ma Văn L và Nguyễn Thị K đối với thửa đất số 44. Về tài sản trên đất: Yêu cầu được sở hữu 726 cây thông trên phần diện tích 18.083m^2 (thuộc thửa đất số 44); yêu cầu anh Ma Văn L và Nguyễn Thị K di dời 31 cây thông do anh chị trồng trên phần diện tích 3.623m^2 (thuộc thửa đất số 44).

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 03-12-2020, nguyên đơn ông Ma Văn Q, chị Nông Thị C khởi kiện bổ sung ông Ma Xuân T đề nghị được quyền quản lý, sử dụng diện tích 366m^2 đất thuộc một phần thửa 253, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K lập năm 2008, tọa tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là thôn Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn, đề nghị giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 054989, số vào sổ cấp CH00315 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp cho nguyên đơn đối với thửa đất 253. Đối với tài sản trên thửa đất 253, đề nghị ông Ma Xuân T di dời toàn bộ.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông cha để lại cho ông Ma Văn K (bố đẻ anh Ma Văn Q) quản lý, sử dụng. Năm 1996, ông Ma Văn K được Ủy ban nhân dân huyện CL giao Sổ Giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng, thuộc khoảnh 59, với diện tích đất lâm nghiệp là 19,0ha, tại Quyết định số: 582/UB-QĐ ngày 01/8/1996 (gọi tắt sổ bìa xanh). Năm 2003, ông Ma Văn K đã cho vợ chồng anh Ma Văn Q và chị Nông Thị C tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất này để trồng rừng, nhưng đến năm 2004, anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K chuyển từ nơi khác đến sinh sống tại thôn Pá Phèo (nay là phá Phào) xã H K, anh chị đã tự lên thửa đất 44 lấn chiếm, sau đó đi đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện CL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 44, tờ bản đồ số 01. Đối với phần diện tích đất tranh chấp với ông Ma Xuân T: Năm 2012, gia đình ông Ma Xuân T chuyển từ nơi khác đến sinh sống tại thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào) xã H K thì gia đình ông Ma Xuân T đã lên xây nhà ở và các trình phụ khác trên diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa 253, gia đình nguyên đơn đã có ý kiến nhưng không báo chính quyền địa phương giải

quyết. Năm 2020, hai bên gia đình chính thức xảy ra tranh chấp và mới báo chính quyền địa phương giải quyết nhưng hòa giải không thành.

Sau khi có kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn xác định diện tích đất tranh chấp là 22.525,4m^2; trong đó: Diện tích đất tranh chấp với bị đơn anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K là 21.707,0m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01; diện tích đất tranh chấp với bị đơn ông Ma Xuân T là 644,2m^2 thuộc thửa 253, tờ bản đồ số 01; đối với diện tích 66,5m^2 thuộc thửa 535 và 107,7m^2 thuộc thửa đất 295 là đất đường giao thông tỉnh lộ 250, nguyên đơn xin rút yêu cầu này. Về chi phí tố tụng nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 28.900.000 đồng, nguyên đơn tự chịu một phần chi phí tương ứng với diện tích đất đã rút yêu cầu, đối với số tiền còn lại nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nguyên đơn đề nghị được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Ma Xuân T yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn đối với diện tích 644,2m^2 thuộc một phần thửa 253, tờ bản đồ số 01 là không có căn cứ nên nguyên đơn không chấp nhận.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự cùng những lời trình bày tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn K, chị Ma Thị N, chị Ma Thị C1, chị Ma Thị C2, chị Ma Thị H1, chị Ma Thị Tiến, chị Ma Thị L2, anh Ma Văn V, anh Ma Văn X, chị Ma Thị Hoàng A, chị Ma Thị B1 thống nhất với ý kiến của nguyên đơn ông Ma Văn Q, bà Nông Thị C đã đưa ra ở trên.

Tại Biên bản lấy lời khai cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K xác định: Diện tích đất tranh chấp là 21.707m^2, có nguồn gốc là đất bỏ hoang, không ai sử dụng mà để người dân trong thôn chăn thả trâu bò. Năm 2005, nhà nước có chủ trương trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc mọi người ở trong thôn khác tự chia nhau quản lý, được nhà nước cấp cây thông miễn phí cho người dân để trồng, gia đình anh chị trồng được khoảng 01ha cây thông, nhưng do bị trâu bò tàn phá và lúc đó người dân chưa có ý thức làm cháy rừng nên chỉ còn sống khoảng 200 cây thông. Đến năm 2007, gia đình anh chị tiếp tục cuốc hố để trồng thông, đến năm 2008 có dự án 661, gia đình anh chị có nhận thông về để trồng xuống hố đã cuốc sẵn thì gia đình anh Ma Văn Q cũng nhận cây thông về trồng xuống hố của gia đình anh đã trồng cây, gia đình anh Ma Văn Q trồng xuống khoảng 100 cây thông, khi phát hiện ra anh chị đã không cho trồng và đã đi báo cáo tổ hòa giải của thôn đến lập biên bản không cho gia đình anh Q trồng và nói không phải đất của anh Ma Văn Q nhưng anh Ma Văn Q không nghe, thôn đã gửi biên bản lên Ủy ban xã H K để hòa giải, hai bên đã thỏa thuận được, theo đó gia đình anh chị được quyền quản lý khu đồi hiện nay đang tranh chấp, hiện nay các cây này còn sống khoảng 700

đến 800 cây. Sau khi gia đình anh chị được giao quản lý, đến cuối năm 2008 nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn xã, gia đình anh đã đi làm thủ kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 gia đình anh chị đã được UBND huyện CL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01, diện tích là 21.707,0m^2. Năm 2015, ông Ma Văn A đi đốt cỏ bờ ruộng gần rừng của gia đình anh chị đã làm lan cháy lên rừng nhà anh chị, bị cháy mất 210 cây thông, ông Ma Văn A đã bồi thường cho gia đình anh chị số tiền 4.000.000 đồng. Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, anh chị đề nghị được quyền công nhận quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp và giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh chị.

Tại Biên bản lấy lời khai cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Ma Xuân T xác định: Diện tích đất tranh chấp là 644,2m^2 thuộc một phần thửa 253, nguồn gốc là của gia đình ông đã quản lý, sử dụng từ rất lâu, trước đây là một khe dọc bỏ hoang, năm 1992, ông làm mương để thoát nước không trôi xuống lúa nhà ông. Đến năm 2001, ông thuê máy ủi san nền làm nhà ở, năm 2012, ông tiếp tục xây nhà ở cấp 04, diện tích 80m^2 và một số công trình phụ trên đất như: Nhà bếp 24m^2, 01 nhà thờ cúng 22m^2, công trình phụ 04m^2, ngoài ra còn sân phơi thóc và cống thoát nước khoảng 200m^2. Khi ông san ủi, xây nhà, phía gia đình nguyên đơn biết nhưng không có ai có ý kiến gì và hiện nay đã làm nhà ở. Quá trình sử dụng phần đất tranh chấp gia đình ông chưa đi kê khai, làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện CL đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn đối với diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ, nên ông đề nghị được công nhận quyền quản lý sử dụng đối với diện tích 644,2m^2 thuộc một phần thửa 253; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện CL đã cấp cho nguyên đơn đối với diện tích 644,2m^2; nếu trong trường hợp phía nguyên đơn bồi thường cho ông giá trị tài sản và đất tranh chấp với số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) thì ông đồng ý để cho gia đình nguyên đơn sử dụng diện tích đất tranh chấp và các tài sản trên đất.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự cùng những lời trình bày tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị H1, anh Ma Văn Đ1, chị Vi Thị N, chị Ma Thị Thu T1, chị Ma Thị M, chị Ma Thị P, chị Ma Thị T3, chị Ma Thị N, anh Ma Văn X thống nhất với ý kiến của bị đơn anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K, ông Ma Xuân T đã đưa ra ở trên và những người này đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 01-3-2021, cùng những lời trình bày tiếp theo, ông Hoàng Minh D là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Sổ Giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bìa xanh) đã được cấp cho hộ gia đình ông Ma Văn K (bố anh Ma Văn Q) tại Quyết định số 582/UB-QĐ ngày 01-8-1996 với diện tích đất lâm nghiệp là 19,0ha, thời hạn là 50 năm thuộc khoảnh 59, có vị trí tương ứng, bao trùm lên trên 27 thửa đất, trong đó có thửa 44 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Ma Văn L, một phần thửa 212 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Ma Văn A và 24 thửa đất lúa, trong đó có 21 thửa đất lúa đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Ma Văn A (không tranh chấp), một phần thửa 251 của anh Nông Văn Ơ sử dụng (không tranh chấp), tất cả đều nằm trong diện tích 19 ha đã được cấp cho gia đình ông Ma Văn K (bố anh Ma Văn Q). Qua việc đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 20/01/2021 và kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất, đối chiếu bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 lập năm 2008 xã H K, UBND huyện CL thấy việc cấp sổ bìa xanh cho hộ ông Ma Văn K chưa đúng với thực địa, sai ranh giới, vị trí, diện tích và hiện nay chưa thu hồi. Do vậy, Uỷ ban nhân dân huyện CL đề nghị Tòa án xem xét hủy hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng tại Quyết định số 582/UB-QĐ ngày 01/8/1996 do hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng được cấp có sai sót.

Đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 01, diện tích 21.707,0m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Ma Văn L và thửa đất số 253, tờ bản đồ số 01 diện tích 13.0820,0m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ma Văn Q, tại Đồi Khau Lỵ, Thôn PP, xã H K, huyện Ch L, tỉnh Lạng Sơn. UBND huyện đề nghị Tòa án kiểm tra, xác minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất và các chứng cứ pháp lý liên quan để giải quyết vụ việc theo quy định. Căn cứ kết quả giải quyết của Tòa án, UBND huyện sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Minh D là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn xác nhận đối với diện tích đất tranh chấp 644,2m^2 giữa nguyên đơn với ông Ma Xuân T không nằm trong diện tích 19ha đã được cấp sổ bìa xanh cho gia đình ông Ma Văn K năm 1996, nay thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 01 diện tích 13.0820,0m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Ma Văn Q và chị Nông Thị C. Trên thực tế, người quản lý canh tác và có nhà tạm trên đất từ năm 1992 là ông Ma Xuân T đến năm 2012, ông Ma Xuân T làm nhà kiên cố trên đất và một số công trình phụ trên đất. Đối với diện tích đất tranh chấp 644,2m^2, Ủy ban nhân dân huyện CL không đến thực địa xem xét ai là người quản lý sử dụng thực tế mà lại

cấp cho gia đình nguyên đơn là không đúng quy định. Ủy ban nhân dân huyện CL sẽ thực hiện việc điều chỉnh sau khi có quyết định của Bản án.

Anh Ma Văn A, chị Nông Thị S trình bày: Anh chị là chủ sử dụng đối với 22 đến 23 thửa đất ruộng và thửa đất rừng số 212, liền kề giáp ranh với thửa đất số 44 đang tranh chấp giữa các đương sự, anh chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011. Vợ chồng anh chị không biết thửa đất rừng số 212 và các thửa đất ruộng của anh chị có một phần diện tích nằm trong sổ bìa xanh ông Ma Văn K đã được UBND huyện CL cấp sổ bìa xanh năm 1996. Thực tế theo hiện trạng thì từ trước đến nay, hộ ông Ma Văn K và anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C không quản lý, sử dụng phần diện tích nằm trong sổ bìa xanh ông Ma Văn K năm 1996. Nguồn gốc các thửa đất trên là của ông cha để lại cho anh chị quản lý, sử dụng; ranh giới các thửa đất sử dụng ổn định không có tranh chấp về đất đai.

Anh Ma Văn Ng, anh Nông Văn Ơ trình bày: Anh Nông Văn Ơ là chủ sử dụng thửa đất rừng số 251 liền kề một phần diện tích thửa đất số 44 đang tranh chấp giữa gia đình anh Ma Văn Q và gia đình anh Ma Văn L; anh Ma Văn Ng là chủ sử dụng thửa đất 248 liền kề, giáp ranh thửa đất 253 đang có tranh chấp giữa gia đình anh Ma Văn Q và ông Ma Xuân T. Các anh không biết một phần thửa đất các anh đang sử dụng có một phần diện tích nằm trong sổ bìa xanh ông Ma Văn K đã được UBND huyện CL cấp sổ bìa xanh năm 1996. Nguồn gốc các thửa đất trên là của ông cha để lại; ranh giới các thửa đất sử dụng ổn định không có tranh chấp về đất đai.

Các ông Nguyễn Văn M, Ma Văn Kh; Ma Văn M; Ma Văn Th; Nông Văn K1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn L; ông Ma Văn T; anh Ma Văn Ng; anh Ma Văn T; ông Nguyễn Văn X; ông Ma Văn T; ông Nông Văn D; ông Nông Văn Đ đều khẳng định trước đây khu đất tranh chấp giữa nguyên đơn và gia đình ông Ma Xuân T là một khu đất bỏ hoang sát bờ ruộng. Trên bờ ruộng, ông Ma Xuân T có đào một con mương tát nước lũ không cho nước xuống ruộng. Sau đó, ông Ma Xuân T đã đến san ủi lấp làm nền nhà đến năm 2012 thì xây nhà cấp 4 và một số công trình khác trên đất. Ông Ma Xuân T có quá trình quản lý sử dụng đất liên tục, không có ai đến tranh chấp, diện tích đất tranh chấp không phải của gia đình nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn L2cho biết: Ngày 02/4/1991 âm lịch, ông Nguyễn Văn Ng được bán diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và gia đình ông Ma Xuân T cho ông Ma Xuân T, bán 03 thửa đất diện tích khoảng 05 sào với giá 2.000.000 đồng. Khi mua bán hai bên có lập Giấy mua bán, người viết giấy là ông Nông Duyên H (hiện đã chết) và có một số người làm chứng trong đó có ông Nguyễn Văn L2còn sống. Ông Nguyễn Văn Ng khẳng định diện

tích đất tranh chấp hiện nay chính là diện tích đất của ông đã bán cho ông Ma Xuân T.

Ông Ma Văn A cho biết năm 2013, ông cùng vợ đi phát rừng để trồng thông đã đốt cỏ, do sơ suất làm cháy lan lên rừng thông thuộc thửa đất số 44 của gia đình anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K là 210 cây thông và một số rừng của các chủ liền kề. Sau khi thỏa thuận, năm 2016, gia đình ông đã bồi thường cho gia đình anh Ma Văn L số tiền 500.000 đồng. Ông cho biết nguồn gốc diện tích đất tranh chấp hiện nay là của ông Ma Văn K (bố đẻ ông Ma Văn Q) nhưng không trồng cây gì đến năm 2008, ông thấy gia đình anh Ma Văn L lên trồng thông nên hai bên xảy ra tranh chấp. Còn ông Ma Xuân T tự thuê máy xúc, san ủi một phần thửa đất 253 sau đó xây nhà ở, gia đình ông Ma Văn K đã có ý kiến nhưng không được nên sau đó vẫn để ông Ma Xuân T xây nhà.

Ông Ma Văn Tình, anh Ma Văn Nghị; Nguyễn Văn M; Ma Văn Mau; ông Ma Văn Xưa; ông Nông Văn Lợi; ông Ma Văn Cường đều khẳng định: Trước đây khu đất tranh chấp giữa nguyên đơn và gia đình ông Ma Văn L là khu đồi bỏ hoang, cả làng thả trâu, bò lên đất, sau đó người dân trong làng thỏa thuận chia đất để quản lý sử dụng. Các ông là người sinh sống tại thôn Pá Phào, xã H K từ nhỏ nên được chứng kiến ông Ma Văn L trồng thông, quá trình quản lý sử dụng không có ai tranh chấp.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 20-01-2021, thể hiện: Diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự là 22.525,4m^2, trong đó: 21.707m^2 thuộc thửa đất số 44; 644,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 253; 66,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 535; 107,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 295. Về tài sản trên đất thể hiện như sau: Trên thửa đất số 44 có: 31 cây thông đường kính 20-30cm (trên phần diện tích 3.623m^2) có giá là 3.627.000 đồng; 726 cây thông đường kính 15-25cm (trên phần diện tích 18.083m^2) có giá là 50.820.000 đồng; 68 cây kháo, 11 cây sau sau, 06 cây lim, 07 cây gạo, 01 cây xoan, 15 cây tạp và một số cây bụi trên đất. Trên thửa đất số 253 có 01 ngôi nhà cấp 4, hàng rào bằng sắt, 01 téc nước, sân bê tông, sân trước, 01 nhà bếp, 02 nhà tắm, 01 chuồng gà, 01 tường rào, 01 cây xoan và 01 cây lát.

Tại Kết luận giám định số 178/C09-P5 ngày 30/7/2021 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Chữ ký "Quyền" tại biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 10/01/2008 lập tại thôn Pá Phèo, xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn không phải là chữ viết của nguyên đơn Ma Văn Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ các điều 3, 4, 26, 54, 98, 99, 166, 167, 170, 188, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ các điều 158, 160, 163, 164, 169, 221, 235, 274, 275 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 34, khoản 1 Điều

147, khoản 1, 4 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 161, Điều 162, khoản 1, 4 Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ma Văn Q và chị Nông Thị C yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 21.707m^2 loại đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K năm 2008 tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ma Văn Q và chị Nông Thị C yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 644,2m^2 loại đất rừng sản xuất, thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K năm 2008 tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn.

3. Anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K tiếp tục được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 21.707m^2 loại đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K năm 2008 tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ bìa BI 054982, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00520 theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 do UBND huyện CL cấp cho hộ anh Ma Văn L và Nguyễn Thị K. Diện tích đất 21.707m^2 được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14, A15, A16, A17, A18, A19, A20, A21, A22 thể hiện tại Phụ lục xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án.

4. Ông Ma Xuân T được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 644,2m^2 loại đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa 253, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K năm 2008 tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất 644,2m^2 được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A1, A2, A3, A4, A14, A8, A9, A10, A11 thể hiện tại Phụ lục xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án.

Ông Ma Xuân T có nghĩa vụ đi đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên.

5. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Ma Văn Q và chị Nông Thị C yêu cầu được sở hữu các tài sản trên diện tích đất đã nêu tại mục 1.1;

không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn anh Ma Văn L phải di dời các tài sản trên diện tích đất đã nêu tại mục 1.2.

6. Anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K được quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất nêu tại 1.3 gồm: 31 cây thông đường kính 20-30cm; 726 cây thông đường kính 15-25cm; 68 cây kháo, 11 cây sau sau, 06 cây lim, 07 cây gạo, 01 cây xoan, 15 cây tạp và một số cây bụi (mọc tự nhiên).

7. Ông Ma Xuân T được tiếp tục sử dụng các tài sản trên diện tích đất nêu tại 1.4 gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, hàng rào bằng sắt, 01 téc nước, sân bê tông, sân trước, 01 nhà bếp, 02 nhà tắm, 01 chuồng gà, 01 tường rào, 01 cây xoan và 01 cây lát.

8. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 66,5m^2 thuộc một phần thửa 535, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K năm 2008 tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 66,5m^2 được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A1, A11, A12, A13 thể hiện tại Phụ lục xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án.

9. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 107,7m^2 thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K năm 2008 tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn, là đất đường giao thông tỉnh lộ 250. Diện tích 107,7m^2 được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A4, A5, A6, A7, A8, A14 thể hiện tại Phụ lục xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án.

10. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ bìa BI 054982, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00520 theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 do UBND huyện CL cấp cho hộ anh Ma Văn L và Nguyễn Thị K đối với diện tích 21.707m^2 loại đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K năm 2008 tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn .

11. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ma Xuân T đề nghị hủy đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất số bìa BI 054989, số vào sổ cấp CH00315 theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND cấp ngày 30/6/2011 cho hộ anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C đối với diện tích 644,2m^2 loại đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa 253, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H K năm 2008 tại đồi Khau Ly, thôn Pá Phèo (nay là Pá Phào), xã H K, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn mà ông Ma Xuân T đang sở hữu, quản lý.

12. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng

Anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C phải chịu số tiền 28.900.000 đồng về việc chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; giám định chữ ký. Xác nhận anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C đã nộp đủ số tiền trên và đã chi hết.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của nguyên đơn chị Nông Thị C, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Do Tòa án sơ thẩm đánh giá không đúng về nguồn gốc đất, đất là do các cụ trong gia đình ông K để lại, là nơi gia đình ông K sử dụng cho cuộc sống của mình, năm 2004 gia đình ông L đến lấn chiếm và sau đó năm 2012, ông T đến làm nhà, bản án sơ thẩm quyết định không đúng, trên thửa đất có cây cối do gia đình ông Q trồng nhưng bản án sơ thẩm tuyên tài sản trên đất là của ông L là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giao tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Bản án sơ thẩm xác định không đúng nguồn gốc, sử dụng không đúng lời chứng, người làm chứng là người thân, người quen của Bị đơn, những người làm chứng đều là anh chị em trong gia đình, con dâu, con rể, cậu của ông L để xác định nguồn gốc đất. Tòa án không đưa Ma Thị Hồng Th vào tham gia tố tụng, cháu là một thành viên trong gia đình ông Q. Tòa án có nhận định cho rằng đất là của ông T nhận chuyển nhượng của ông Ngân nhưng Tòa án xác định ông Ng là người làm chứng là không đúng tố tụng, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư Lợi là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Theo quyết định số 582 giao đất cho ông K là bố của ông Q, quá trình sử dụng đất, gia đình anh L, chị K, ông T đến sử dụng nhưng gia đình ông K không có ý kiến gì, quá trình sử dụng gây dựng tài sản trên đất, 2 bên gia đình cùng là người địa phương, cùng ở xã đó, từng sử dụng đất ở đó, khi gia đình anh L, ông T đến không có tranh chấp gì. Năm 2008 anh L trồng thông nên mới có tranh chấp nhưng sau đấy đã được giải quyết ở xã. Năm 2011, anh L xin cấp GCNQSD đất cho gia đình và được địa phương xem xét, Ủy ban nhân dân xã xác nhận quyền sử dụng đất của anh L là hợp pháp. Bản án sơ thẩm xem xét hợp lý, các nhân chứng trong làng đều là anh em họ hàng với nhau nhưng căn cứ chủ yếu vào việc sử dụng thực tế, nếu được giao mà không sử dụng thì có quyền cấp

đất cho người khác, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của anh Ma Văn L: Đồng ý với ý kiến của luật sư, tôi ở đấy từ khi sinh ra, năm 2003-2004, Nhà nước khuyến khích trồng cây thông, tôi và anh Q, chị C cùng làm mỗi nhà một khoảnh. Đến năm 2006, tôi tiếp tục cuốc hố đến 2008, dự án cấp cây con cho để trồng, gia đình anh Q cũng lấy cây con để trồng vào hố gia đình tôi cuốc sẵn, 2 gia đình là anh em trong nhà, khi có tranh chấp, tôi báo tổ hòa giải hòa giải cho 2 bên gia đình, tổ hòa giải gửi biên bản lên xã và xã xuống giải quyết, xong rồi mới làm bìa đỏ. Năm 2020 mới có tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của ông Lợi là người đại diện theo ủy quyền của ông Ma Xuân T: Về phần đất của ông T, ông T sử dụng từ năm 1992, phần đất tranh chấp là 644m2 thuộc 1 phần thửa 253, nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng từ ông Ngân. Ủy ban nhân dân huyện sau khi xem xét đã xác định quyết định số 582 chùm lên nhiều thửa, ranh giới không chính xác và Ủy ban nhân dân huyện xác định việc ông T sử dụng diện tích đất này là hợp pháp, sử dụng ổn định từ năm 1992 không có tranh chấp, đến năm 2020 mới có tranh chấp. Không có căn cứ nào xác định đất này là của anh Q, ông K. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần đất của ông T.

Ý kiến của ông Lý Văn Tuyến là người đại diện theo ủy quyền của chị Ma Thị N, anh Ma Văn V: Tôi là chồng của Ma Thị N, Thửa 44 giáp thửa 523 của anh Q nằm trong bản đồ số 1, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đúng quy định của pháp luật, thửa đất số 44 là của anh Ma Văn Q nhưng bản đồ ghi là Nông Văn Q là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn K. Đề nghị HĐXX phúc thẩm - TAND cấp cao tại Hà Nội căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các đương sự; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo trong thời hạn, phù hợp với quy định về hình thức, nội dung nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định là Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ma Văn Q, Nông Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C. Tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Hội đồng xét xử thấy:

[4] **Về việc Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K 21.707,0m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01**:

[5] *Đối với diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và gia đình anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K có nguồn gốc*: Diện tích đất tranh chấp 21.707m^2 trước đây thuộc một phần khoảnh 59, đã được Ủy ban nhân dân huyện CL giao Sổ Giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng, với diện tích đất lâm nghiệp là 19,0ha, tại Quyết định số: 582/UB-QĐ ngày 01/8/1996 (gọi tắt sổ bìa xanh) cho hộ gia đình ông Ma Văn K. Bị đơn cho rằng đất tranh chấp trước khi bị đơn sử dụng là đất hoang, bãi chăn thả trâu bò, không ai canh tác. Tại Bản tự khai ngày 01-3-2021, ông Hoàng Minh D là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn khẳng định: Sổ bìa xanh cấp năm 1996 cho hộ gia đình ông Ma Văn K có vị trí tương ứng, bao trùm lên trên 27 thửa đất, trong đó có thửa 44 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Ma Văn L và một số thửa đất khác. Việc cấp sổ bìa xanh là chưa đúng với thực địa, sai ranh giới, vị trí, diện tích và hiện nay chưa được thu hồi. Trong quá trình giải quyết và Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện CL kèm theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 25/4/2022, đề nghị Tòa án thu hồi hồ sơ giao quyền sử dụng rừng và đất trồng rừng (Sổ bìa xanh) đã cấp cho hộ gia đình ông Ma Văn K tại Quyết định số 582/UB-QĐ, ngày 01/8/1996 vì Hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng bao trùm lên 48 thửa đất, trong đó có thửa 44, tờ bản đồ số 1 và chưa đúng vị trí, sai ranh giới, vị trí, diện tích đối với 27 thửa đất, các đương sự trong đó có ông Ma Văn Q, bà Nông Thị An và ông Ma Văn K đều xác định hộ ông Q, ông K chưa từng canh tác đối với 26/27 thửa đất nêu trên, các hộ gia đình sử dụng ổn định, ranh giới rõ ràng, hiện không có tranh chấp.

[6] Diện tích đất 21.707m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01, hộ gia đình anh Ma Văn L là người đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30/6/2011, UBND huyện CL đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00520 cho anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K. Tại thời điểm đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền chỉ sử dụng đất, đối với thửa đất số 44 chỉ có gia đình anh Ma Văn L đi kê khai, còn gia đình nguyên đơn chỉ kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 253, tờ bản đồ số 01 diện tích 130.820m^2. Tại danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số thứ tự của anh Ma Văn L là số 18; số thứ tự của anh Ma Văn Q là số 26 nhưng phía gia đình nguyên đơn không có ý kiến gì. Quá trình kê khai cấp đất đã thực hiện đúng thủ tục, tiến hành niêm yết công khai theo quy định và không nhận được đơn thư phản ánh về tranh chấp đất đai đối với thửa đất 44, đảm bảo các điều kiện người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng, không biết diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 44 nằm trong diện tích đã được cấp sổ bìa xanh năm 1996 để đi kê khai là không có cơ sở.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký tại mục các chủ sử dụng đất tiếp giáp, cụ thể là chữ ký "Quyền" tại biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 10/01/2008. Kết luận giám định số 178/C09-P5 ngày 30/7/2021 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an xác định chữ "Quyền" tại biên bản và chữ viết của nguyên đơn Ma Văn Q không phải do một người viết ra. Xét thấy, đây là một trong những căn cứ cần xem xét khi giải quyết vụ án, có ý nghĩa xác định có tranh chấp ranh giới với hộ liền kề hay không.

[8] Về quá trình sử dụng đất: Bị đơn Ma Văn L cho rằng trước năm 2004 là đất hoang. Từ năm 2004 đến năm 2011, gia đình Bị đơn trồng thông trên đất, Nguyên đơn Ma Văn Q biết nhưng không có ý kiến gì, theo kết quả xem xét thẩm định hiện còn 31 cây thông trồng năm 2004. Năm 2008 gia đình anh L tiếp tục cuốc hố để trồng thông thì gia đình anh Q cũng lên trồng thông vào hố gia đình anh L cuốc sẵn nên xảy ra tranh chấp, tổ hòa giải thôn đã giải quyết đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình anh L, nhưng anh Q không đồng ý, tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 09/02/2009 UBND xã H K đã giải quyết phân định ranh giới và giao đất cho anh L, còn tiền cây mới trồng anh L phải trả cho ông K, nếu bên nào lấn chiếm thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, anh L và anh Q đã cùng ký tên xác nhận và không có ý kiến phản đối (BL81). Năm 2013, ông Ma Văn A phát rừng làm cháy lan sang khu đất tranh chấp làm cháy một phần đất rừng tranh chấp (cụ thể làm cháy 210 cây thông), ông An đã thỏa thuận đền bù tiền cây cho anh L. Anh Q biết sự việc này nhưng

không có ý kiến gì. Như vậy, thực tế từ năm 2004 đến nay gia đình anh L là người quản lý, sử dụng đất, còn gia đình anh Q không quản lý sử dụng thửa đất tranh chấp. Năm 2009, khi UBND xã triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt, gia đình anh Q có kê khai thửa đất liền kề và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn thửa đất đang tranh chấp gia đình anh Q không kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà gia đình anh L là người kê khai và được cấp giấy chứng nhận vào năm 2011. Điều đó thể hiện anh Q đồng ý với kết quả UBND xã H K giải quyết phân định ranh giới ngày 09/02/2009. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư và Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn cung cấp các bản khai của người dân có nội dung giống nhau, xác định đất do các cụ của Nguyên đơn sử dụng từ trước và giao cho Nguyên đơn sử dụng từ năm 2003 đến nay là không có căn cứ, bởi không phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Đề nghị giám định chữ ký của anh Ma Văn Q tại Biên bản hòa giải 09/02/2009 là không cần thiết.

[9] Từ các căn cứ và nhận định nêu trên, có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình Bị đơn. Do vậy, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị được công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 21.707m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 01 và không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30/6/2011 cho anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K đối với thửa đất số 44 là có có căn cứ, phù hợp với quy định.

[10] **Về việc Nguyên đơn và ông Ma Văn K yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho Nguyên đơn diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và gia đình ông Ma Xuân T là 644m^2**, thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 01 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyên đơn, yêu cầu bị đơn di dời toàn bộ tài sản, công trình trên đất, thấy:

[11] Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp thuộc khoảnh 59, hộ ông Ma Văn K được cấp sổ bìa xanh năm 1996, nhưng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện đất tranh chấp không nằm trong khoảnh 59. Ông Ma Xuân T cho rằng đất trước đây là khe dọc, bỏ hoang do ông khai phá và mua với ông Nguyễn Văn Ng ngày 02/4/1991, "Mua 03 thửa diện tích khoảng 5 sào, có con mương hứng nước mưa bên trên đường cái"; hai bên lập giấy mua bán và có xác nhận của Chủ tịch UBND xã H K ngày 15/8/2004. Ông Nguyễn Văn Ng khẳng định diện tích ông bán cho ông Ma Xuân T chính là diện tích tranh chấp hiện nay giữa nguyên đơn và ông Ma Xuân T, ông khẳng định đây là đất của gia đình ông,

không phải là đất của gia đình nguyên đơn, điều này cũng được ông Nguyễn Văn L2xác nhận là đúng thực.

[12] Về quá trình sử dụng đất: Sau khi mua đất năm 1991, ông T sử dụng và khai phá thêm. Năm 2001, ông Ma Xuân T đã thuê máy ủi để san đất làm nhà ở và có nhà tạm trên đất. Năm 2005, thực hiện dự án JBIC tỉnh Lạng Sơn để cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ DT237C đoạn từ xã Xuân Tình (huyện Lộc Bình) – xã H K (huyện CL) tỉnh Lạng Sơn, nhà nước đã lấy một phần đất của thửa đất số 253, tờ bản đồ số 01 để thực hiện dự án, cụ thể gia đình ông Ma Xuân T được bồi thường 1.030.443đ (trong đó bồi thường về đất 300.000đ + bồi thường về vật kiến trúc 730.443đ); theo danh sách, người đứng ra nhận tiền là anh Ma Văn L (Con ông T, khi đó ở cùng ông T), không liên quan đến gia đình nguyên đơn. Đến năm 2012, ông Ma Xuân T lại tiếp tục xây nhà ở loại cấp 4 và một số công trình phụ khác trên đất. Quá trình sử dụng đã xác định ranh giới bằng bụi tre và con đường mòn ngăn cách diện tích đất của hai gia đình. Gia đình nguyên đơn thừa nhận được biết sự việc trên nhưng không ai có ý kiến gì. Như vậy, gia đình ông Ma Xuân T có quá trình quản lý sử dụng liên tục từ năm 1991 không có tranh chấp, đến năm 2020 mới xảy ra tranh chấp với gia đình Nguyên đơn. Do vậy, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Ma Xuân T.

[13] Ngày 14/01/2008, anh Ma Văn Q đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 253, tờ bản đồ số 01 đối với diện tích 130.820m^2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất số bìa BI 054989, số vào sổ cấp CH00315 theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND, ngày 30/6/2011 của UBND huyện CL cho hộ anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C. Tại thời điểm UBND huyện CL xét duyệt hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Ma Văn Q, đã có tài sản gia đình ông Ma Xuân T trên đất là nhà ở và các công trình trên đất. UBND huyện CL đã không đến xác minh tại thực địa ai là người quản lý sử dụng đất thực tế mà chỉ xem xét trên hồ sơ, sổ sách giấy tờ, đã cấp diện tích 644,2m^2, như nhận định ở trên, thuộc quyền sử dụng của ông Ma Xuân T vào tổng diện tích 130.820m^2 thuộc thửa đất 253, tờ bản đồ số 01 là không đúng đối tượng, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông Ma Xuân T.

[14] Từ các căn cứ nêu trên, Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất 644,2m^2 cho nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ma Xuân T, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 054989, cấp cho vợ chồng Nguyên đơn đối với diện tích 644,2m^2 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư và Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn cho rằng gia đình ông T được bồi thường

đất ruộng khi cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ DT237C đoạn từ xã Xuân Tình (huyện Lộc Bình) – xã H K (huyện CL) tỉnh Lạng Sơn nhưng không cung cấp tài liệu chứng minh và cũng không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh 644,2m^2 thuộc quyền sử dụng của Nguyên đơn. Do vậy, kháng cáo của Nguyên đơn về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

[15] **Đối với tài sản trên thửa đất số 44**: Đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của anh Ma Văn L, chị Nguyễn Thị K nên anh chị được quyền sở hữu các cây mọc tự nhiên trên đất và cây do anh chị trồng, cụ thể: 31 cây thông đường kính 20-30cm; 68 cây kháo, 11 cây sau sau, 06 cây lim, 07 cây gạo, 01 cây xoan, 15 cây tạp và một số cây bụi trên đất. Đối với 726 cây thông đường kính 15-25cm, nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng mình trồng, tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 01/6/2008, thể hiện nội dung khi gia đình ông Ma Văn K đến trồng thông trên đất thì gia đình anh Ma Văn L đã ngăn cản không cho trồng, hai bên xảy ra xô xát. Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 09/02/2009, UBND xã H K giải quyết phân định ranh giới và giao đất cho anh Ma Văn L còn tiền cây trồng ông Ma Văn K lấy, nếu bên nào lấn chiếm thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, các bên đã cùng ký tên xác nhận và không có ý kiến phản đối. Điều này phù hợp với lời khai của anh Ma Văn L xác nhận tại thời điểm đó anh được trả tiền cây cho ông Ma Văn K, nhưng số tiền là bao nhiêu thì anh không nhớ rõ do thời gian đã lâu. Anh chấp nhận trả số tiền trên là do tổ hòa giải của xã đã đưa ra phương án thống nhất và anh đồng ý trả tiền giá trị cây thông cho gia đình nguyên đơn, còn đất gia đình anh được quyền quản lý sử dụng. Mặt khác, năm 2013, khi ông Ma Văn A làm cháy 210 cây thông, ông Ma Văn A đã bồi thường cho gia đình anh Ma Văn L, phía nguyên đơn biết nhưng không có ý kiến. Do vậy, có căn cứ xác định cây thông trên đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của gia đình anh Ma Văn L. Do vậy, Bản án sơ thẩm giao cho gia đình anh Ma Văn L sở hữu, là phù hợp quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu được sở hữu 726 cây thông trên diện tích 18.084 m^2 và yêu cầu Bị đơn anh L chị K di dời 31 cây thông trên diện tích 3.623m^2, trên tổng diện tích đất tranh chấp 21.707m^2 là không có căn cứ chấp nhận.

[16] **Đối với tài sản trên thửa đất số 253**: Đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Ma Xuân T, các tài sản trên đất do gia đình ông T tạo lập, do vậy, bản án sơ thẩm công nhận ông Ma Xuân T được sở hữu các tài sản trên đất của gia đình ông là có căn cứ. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn di dời tài sản trên đất là không có căn cứ chấp nhận.

[17] Đối với yêu cầu của UBND huyện CL đề nghị Tòa án thu hồi hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng đã được cấp cho hộ gia đình ông Ma Văn K tại Quyết định số 582/UB-QĐ ngày 01/8/1996. Về nội dung này,

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, không có kháng cáo, kháng nghị, do vậy, không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[18] Từ các căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy nguyên đơn Nông Thị C, Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[19] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[20] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn anh Nông Văn Quyền, chị Nông Thị C, ông Nông Văn Kinh thuộc hộ nghèo được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn anh Ma Văn Q, chị Nông Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Ma Văn Quyền, chị Nông Thị C, ông Ma Văn Kinh thuộc hộ nghèo, được miễn án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hoa